

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 57/2022/HS-PT
Ngày: 10-5-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1965; tại tỉnh Bến Tre; Trú tại: số 02, Khu phố BT, phường S, Thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Bùi Thị Tr; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu H, có hai người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18/3/2021 bị Công an phường S, thành phố BT xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Chưa nộp phạt); Nhân thân: Năm 1986, bị TAND huyện Giồng Trôm xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (tại Bản án số 08/HSST ngày 27/12/1986, (Bản án sơ thẩm ghi 18 tháng tù là không phù hợp); Năm 1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và 01 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 04 năm tù (tại Bản án số 38/HSST ngày 17/5/1993); Năm 2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tại Bản án số 09/HSST ngày 08/02/1993). Năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày xử phạt

05 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (tại Bản án số 54/HSST ngày 05/01/2004). Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 13/4/2021 Nguyễn Văn H điều khiển xe đạp đi từ nhà ở phường S, thành phố BT đến Đình QS thuộc ấp QL, xã QS, huyện CT để tìm tài sản lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến nơi, H thấy 01 cây xà beng của Đình ở trước sân nên H lấy cây xà beng cạy cửa sổ bên hông Đình rồi đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 bộ bàn trong bằng gỗ mang ra ngoài để ngoài cửa Đình thì bị ông Ríp phát hiện báo Công an đến lập biên bản.

Vật chứng thu giữ: Một chân bàn bằng gỗ, màu nâu đen kích thước 66cm x 26 cm, đầu tròn kích thước 13cm x 5,7cm; ba cái chân quỳ bằng gỗ, màu đen, mỗi chân có kích thước bằng nhau 45cm x 14 cm x 10cm; một hộp đế hình vuông bằng gỗ có kích thước 34cm x 33cm x 13cm, trên có lỗ tròn đường kính 5,5cm. Một cây xà beng dài 40 cm; 01 xe đạp màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Samsung loại bàn phím và số tiền 900.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá số 1156/KL-HĐĐG ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá huyện CT kết luận: Một chân bàn bằng gỗ, màu nâu đen kích thước 66cm x 26 cm, đầu tròn kích thước 13cm x 5,7cm; ba cái chân quỳ bằng gỗ, màu đen, mỗi chân có kích thước bằng nhau 45cm x 14 cm x 10cm; một hộp đế hình vuông bằng gỗ có kích thước 34cm x 33cm x 13cm, trên có lỗ tròn đường kính 5,5cm trị giá 20.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện CT đã trả lại một chân bàn bằng gỗ, màu nâu đen kích thước 66cm x 26 cm, đầu tròn kích thước 13cm x 5,7cm; ba cái chân quỳ bằng gỗ, màu đen, mỗi chân có kích thước bằng nhau 45cm x 14 cm x 10cm; một hộp đế hình vuông bằng gỗ có kích thước 34cm x 33cm x 13cm, trên có lỗ tròn đường kính 5,5cm; một cây xà beng dài 40 cm cho Đình Quới Sơn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/02/2022, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc

thảm giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thể hiện như sau. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản và có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, với mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù là tương xứng nên được giữ nguyên. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ Luật Hình sự Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 13/4/2021 Nguyễn Văn H có hành lén lút đột nhập vào Đình QS thuộc ấp QL, xã QS, huyện CT chiếm đoạt một chân bàn bằng gỗ; ba cái chân quỳ bằng gỗ; một hộp đế hình vuông bằng gỗ, trị giá 20.000.000 đồng.

Với ý thức hành vi và giá trị tài sản mà Nguyễn Văn H đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện như sau: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, gia đình của bị cáo có người thân có công đất nước (theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự) và xem xét về nhân thân của bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản và đang có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản để xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng phải nuôi mẹ già và em bị bệnh nằm một chỗ, nhưng không có giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở xem xét, ngoài ra không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Xét mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về ghi nhận trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an và VKSND Châu Thành (2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND phường S, tp BT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tỉnh